TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1888**/2024/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 27 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

Căn cứ vào Điều 212 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình 2000.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2622/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", giữa:

Người yêu cầu:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm: 1990

Địa chỉ: E217B, tổ 4, khu phố 5A, phường L, TP B

Bị đơn: Ông Trần Công H, sinh năm: 1991

Địa chỉ: E217B, tổ 4, khu phố 5A, phường L, TP B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 19/12/2024, Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà D và ông H không đoàn tụ được với nhau, tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc ly hôn nên Tòa án lập biên bản ghi nhận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông H tự nguyện yêu thương nhau và có tiến hành đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47 ngày 30/3/2012. Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Thị Hồng N, sinh ngày 12/04/2012 và cháu Trần Công V, sinh ngày 27/02/2014. Khi ly hôn giao cháu N cho

ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Vinh cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Đương sự khai không có.

Về lệ phí: Đương sự tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Trần Công H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Thị Hồng N, sinh ngày 12/04/2012 và cháu Trần Công V, sinh ngày 27/02/2014. Khi ly hôn giao cháu N cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Vinh cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Lê Thị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004728 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả cho bà D số tiền còn lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Cẩm